TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 10 - AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 24/2026/HS-ST Ngày 09 tháng 02 năm 2026	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Bé Thi.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Hoàng và ông Nguyễn Văn Hòa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Huỳnh Hoa Lý - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 10 - An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - An Giang tham gia phiên tòa: Ông Đinh Văn Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 02 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân nhân dân khu vực 10 - An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 50/2025/TLST-HS ngày 19 tháng 11 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2026/QĐXXST-HS ngày 09/01/2026 đối với:

Các bị cáo:

1. Phan Quí T (tên gọi khác: Lắm), sinh ngày 28/8/1994 tại tỉnh An Giang; nơi cư trú: Ấp H, xã A, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa: 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Đạo Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Văn S và bà Nguyễn Mai Đ; bị cáo có vợ và 04 con (lớn nhất sinh năm 2013, nhỏ nhất sinh năm 2024); tiền sự: Không; tiền án: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 25/6/2025 đến nay, tại Phân Trại Tạm giam Cô T1 (Cơ sở 3) thuộc Trại Tạm giam số 1 – Công an tỉnh A; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Phùng Trung H, sinh ngày 19/10/1993 tại tỉnh An Giang; nơi cư trú: Ấp B, xã Đ, thành phố Cần Thơ; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Đạo Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phùng Thanh N và bà Lê Thị Đ1 (M); bị cáo có vợ và 02 con (lớn nhất sinh năm 2020, nhỏ nhất sinh năm 2023); tiền sự: Không; tiền án: Không; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 16/10/2025 đến nay, tại Phân Trại Tạm giam Cô T1 (Cơ sở 3) thuộc Trại Tạm giam số 1 – Công an tỉnh A; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo Phan Quí T, Phùng Trung H: Bà **Nguyễn Ngọc T2** – Luật sư Công ty L thuộc L1 (có mặt).

Bị hại: Ông **Trần Minh T3**, sinh ngày 10/7/1990; nơi cư trú: Khóm B, phường B, tỉnh An Giang (có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông **Phùng Thanh M1 (tên gọi khác: N)**, sinh ngày 02/12/1971; nơi cư trú: Ấp P, xã P, tỉnh An Giang (có mặt).

- Bà **Nguyễn Thị Kim P (tên gọi khác: Mười P1)**, sinh năm 1955; nơi cư trú: Khóm B, phường B, tỉnh An Giang (có mặt).

- Ông **Nguyễn Văn H1**, sinh năm 1945; nơi cư trú: Khóm B, phường B, tỉnh An Giang (có mặt).

- Bà **Nguyễn Mai Đ**, sinh năm 1974; nơi cư trú: Ấp H, xã A, tỉnh An Giang (có mặt).

Người làm chứng:

- Ông **Lê Minh T4**, sinh ngày 20/02/1995; nơi cư trú: Ấp P, xã P, tỉnh An Giang; chỗ ở hiện nay: Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh An Giang (vắng mặt).

- Bà **Trịnh Thị Ánh N1**, sinh năm 1996; nơi cư trú: Khóm B, phường B, tỉnh An Giang (vắng mặt).

- Bà **Nguyễn Thị Kim T5**, sinh năm 1993; nơi cư trú: Khóm B, phường B, tỉnh An Giang (có mặt).

- Ông **Trương Vĩnh T6**, sinh năm 2000; nơi cư trú: Khóm T, phường L, tỉnh An Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 01 giờ ngày 02/3/2018, Lê Minh T4 tổ chức uống rượu cùng Phan Quí T (Lắm), Nguyễn Thị Kim T5, Trịnh Thị Ánh N1, Trương Vĩnh T6, Phùng Trung H, Phạm Quốc C trên vỉa hè trước nhà T4 ở khóm P, thị trấn P, huyện T, tỉnh An Giang (nay là ấp P, xã P, tỉnh An Giang). Lúc này, T4 thấy Trần Minh T3 điều khiểu xe mô tô biển số 65H3-5721 và H2 (chưa rõ nhân thân) ngang nên kêu T3, H2 vào uống rượu chung. T3, H2 vào uống được 01 ly rượu; T3 thấy T5 (em cùng mẹ khác cha với T3) có mặt tại đó nên kêu T5 đi về. Sau đó, T3, H2 điều khiển xe mô tô về. T4 nhờ N1 điều khiển xe mô tô chở T5 về. N1 điều khiển xe mô tô chở T5 về đến xã M, thành phố L, tỉnh An Giang (nay là phường B, tỉnh An Giang) gặp T3 nên T3 chở T5 về nhà, còn N1 điều khiển xe về nhà T4 uống rượu tiếp.

Đến khoảng 01 giờ 30 phút cùng ngày, T3 điều khiển xe mô tô biển số 65H3-5721 một mình mang theo 01 cây dao bấm và 01 cây dao tự chế bằng kim loại dài khoảng 40cm đến chỗ T4 nhậu. T3 cầm dao đi vào chửi thô tục rồi dùng dao tự chế để lên đầu T4 nên T4 đi vào trong nhà. T3 tiếp tục dùng dao tự chế (thân dao) đánh nhẹ lên đầu H kêu H im nên H đứng lên. T3 quay sang nói chuyện với T rồi quay lại đứng đối diện với H dùng dao tự chế kề vào cổ của H làm rách da chảy máu. Lúc này, H cùng C giằng co, ôm giật T3 ngã xuống đường rồi T3 dùng dao quơ liên tục. T xông vào giật lấy cây dao tự chế của T3 nên T3 bỏ chạy qua dãi phân cách. T cầm dao, H chạy đuổi theo thì T3 té ngã nên T cầm dao tay trái (tay thuận) chém nhiều cái trúng vào người T3 rồi T đưa dao cho H nói: "*mầy không chém nó thì nó cũng chém mầy*". H dùng dao chém vào tay phải T3 02 cái và dùng dao kề vào cổ T3 cắt 01 cái rồi T3 bỏ chạy về hướng cầu P. T và H cầm dao rượt theo T3 khoảng 50m thì dừng lại và H dùng dao ném theo T3 nhưng không trúng. T3 trốn vào bụi cỏ, điện thoại báo cho mẹ ruột tên Nguyễn Thị Kim P hay bị chém nên P cùng T5 đến đưa T3 vào Bệnh viện Đ2 điều trị, đến ngày 13/3/2018 T3 ra viện. Còn H phát hiện bị thương ở cổ, chân trái và T bị thương ở tay, chân trái nên T4 điều khiển xe mô tô biển số 67M1-8380 chở T, H đến Bệnh viện Đ2, sợ bị T3 trả thù nên T4 chở T, H đến Bệnh viện Đa khoa huyện C, tỉnh An Giang điều trị. Sau đó, gia đình chuyển đến Bệnh viện Q, Thành phố Hồ Chí Minh điều trị đến ngày 19, 20/3/2018, T, H ra viện.

Ngày 30/10/2024, 14/10/2025, T, Hậu bị khởi tố điều tra. Ngày 25/6/2025, T bị bắt truy nã.

Ngày 02/7/2025, T có đơn không yêu cầu xử lý hình sự, từ chối giám định thương tích và ngày 11/8/2025, H ra đầu thú, có đơn không yêu cầu xử lý hình sự, từ chối giám định thương tích.

Vật chứng và xử lý vật chứng:

- 01 xe mô tô biển số 65H3-5721 và 01 điện thoại di động hiệu S1.

- 01 áo thun màu đen ngắn tay, mặt sau có 03 vết rách: kích thước (07 x 0,2)cm, (06 x 02)cm, (5,5 x 0,2)cm; 01 quần sọt màu xanh mặt bên phải có vết rách kích thước (06 x 0,2)cm; 01 mũ bảo hiểm màu xanh, mặt trước có chữ HCKT bên phải có vết nứt 10cm và 12cm; 01 nón kết vải màu đen; 01 áo thun màu đen ngắn tay màu xám đỏ trắng; 01 mũ vải lưỡi trai màu đen.

- 01 dao bấm dài 19,5cm, lưỡi bằng kim loại màu trắng kích thước (09 x 1,5)cm, sắc nhọn có chữ USA, cán bằng kim loại kích thước (10,5 x 02)cm, ốp nhựa hai bên màu đen.

Ngày 14/3/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện T, tỉnh An Giang đã trao trả xe mô tô biển số 65H3-5721, 01 điện thoại di động hiệu Samsung cho Trần Minh T3.

*** Bản Kết luận giám định pháp y về thương tích số 71 ngày 18/4/2018 của Trung tâm Pháp y tỉnh A đối với Trần Minh T3, kết luận:**

- *Dấu hiệu chính qua giám định:*

+ Sẹo cổ sau phải kích thước (07 x 0.5)cm.

+ 02 sẹo vai phải kích thước (02 x 0.6)cm và (04 x 0.6)cm.

+ 04 sẹo lưng phải kích thước (23 x 0.8)cm, (08 x 01)cm, (11 x 1.3)cm, (6.5 x 0.6)cm.

+ 02 sẹo lưng trái kích thước (09 x 0.7), (10 x 0.7)cm.

+ Sẹo mặt ngoài 1/3 giữa cánh tay phải kích thước (4.5 x 0.6)cm, hạn chế vận động ngón III - IV - V.

+ 03 sẹo mặt sau cẳng tay phải kích thước (10 x 0.3)cm, (07 x 0.2)cm, (5.5 x 0.5)cm. Đứt toàn bộ gân duỗi các ngón, đã phẫu thuật khâu nối gân.

+ Sẹo mặt sau 1/3 dưới cánh tay trái kích thước (10 x 01)cm.

+ Sẹo mặt sau 1/3 giữa cẳng tay trái kích thước (03 x 0.2)cm, gãy hở 1/3 giữa xương trụ, đã phẫu thuật kết hợp xương bằng nẹp vít.

+ Sẹo mu bàn tay đến lưng ngón III bàn tay trái kích thước (11 x 0.5)cm, gãy hở đốt gần ngón 3, đứt gân gấp - gân duỗi. Đã phẫu thuật kết hợp xương, khâu gân.

- Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là **29%.**

Trách nhiệm dân sự: Bị hại T3 yêu cầu các bị cáo bồi thường chi phí điều trị, phục hồi sức khỏe khoảng 200.000.000 đồng, không có hóa đơn, chứng từ điều trị. T3 đã nhận 55.000.000 đồng từ gia đình T và 35.000.000 đồng từ gia đình H. T3 yêu cầu T, H mỗi bị cáo bồi thường thêm 25.000.000 đồng.

Tại Cáo trạng số: 16/CT-VKSTS-HS ngày 19/11/2025 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – An Giang truy tố các bị cáo về tội "Cố ý gây thương tích" theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa:

Các bị cáo đều khai nhận: Các bị cáo và bị hại không có mâu thuẫn gì với nhau, các bị cáo có uống rượu chung với em gái của bị hại nên bị hại đem theo 01 cây dao bấm và 01 cây dao tự chế bằng kim loại dài khoảng 40cm đến chửi và gây

chuyện với các bị cáo. Bị cáo Trọng giật được con dao của bị hại và chém nhiều cái gây thương tích cho bị hại nhưng không nhớ rõ vị trí nào, sau đó T đưa con dao lại cho H và nói "Mầy không chém nó thì nó cũng chém mầy", H cầm dao T đưa và chém nhiều cái trúng vào người T3 gây thương tích. Trong quá trình giằng co giật dao của bị hại, các bị cáo có bị thương tích do dao quơ trúng; các bị cáo từ chối giám định thương tích và không yêu cầu xử lý hình sự đối với bị hại.

Bị hại khai nhận: Bị hại không có mâu thuẫn gì từ trước với các bị cáo, do các bị cáo rủ em gái của bị hại nhậu chung nên bị hại có đến tìm các bị cáo để hỏi chuyện. Các bị cáo T, H là người gây thương tích cho bị hại. Về trách nhiệm hình sự: Bị hại yêu cầu xử lý các bị cáo theo quy định của pháp luật; về trách nhiệm dân sự, bị hại yêu cầu các bị cáo bồi thường chi phí điều trị, phục hồi sức khỏe khoảng 200.000.000 đồng, nhưng bị hại không có hóa đơn, chứng từ điều trị. Hiện bị hại đã nhận 55.000.000 đồng từ gia đình bị cáo T và 35.000.000 đồng từ gia đình bị cáo H. Bị hại yêu cầu các bị cáo T, H mỗi người bồi thường thêm 25.000.000 đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn H1 (ông ngoại của bị cáo T), bà Nguyễn Mai Đ (mẹ của bị cáo T), ông Phùng Thanh M1 (chú ruột của bị cáo H khai nhận: Ông H1 và bà Đ là ông ngoại, mẹ của bị cáo T có bồi thường cho T3 tổng cộng số tiền là 55.000.000 đồng; ông M1, bà Võ Thị N2 (bà nội của H - hiện tuổi già, sức khỏe yếu) bồi thường cho T3 tổng cộng số tiền là 35.000.000 đồng. Số tiền bồi thường trên là của ông H1, bà Đ, ông M1, bà N2 cho các bị cáo T, H để khắc phục hậu quả; ông, bà không yêu cầu gì đối với số tiền này.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Kim P khai nhận: Bà là mẹ của bị hại T3, bà đã nhận số tiền bồi thường cho T3 từ gia đình bị cáo T là 55.000.000 đồng và 35.000.000 đồng từ gia đình bị cáo H.

Người làm chứng bà Nguyễn Thị Kim T5 khai nhận: Bà làm em cùng mẹ khác cha với bị hại T3, bà có nhậu cùng với T, H; sau đó được N1 chở về nhà thì gặp T3, lúc này T3 có cầm theo 01 con dao (loại dao gọc giấy) để đe dọa N1 không được rủ bà nhậu nữa, sau đó thì T3 chở bà về nhà rồi T3 đi đâu bà không rõ đến khi bà nghe T3 báo là bị chém thì bà mới biết sự việc.

Người làm chứng ông Lê Minh T4 khai nhận: *Người làm chứng ông Phạm Quốc C, bà Trịnh Thị Ánh N1, Trương Vĩnh T6, ông Lê Minh T4* vắng mặt tại phiên tòa nhưng quá trình điều tra khai nhận phù hợp với nội dung vụ án đã nêu. Ông C, bà N1, ông T6 cùng xác định, bị hại T3 có đem theo dao đến chửi và gây chuyện với các bị cáo T, H (T, H không đem theo dao) và chỉ có T, H xô xác gây thương tích cho bị hại T3. Riêng ông T4 khai nhận, bị hại T3 có đem theo dao đến chửi và gây

chuyện với các bị cáo T, H; H mở cốp xe của T lấy 1 con dao đưa cho T; sau đó, T, H chém nhiều cái vào bị hại T3 và gây thương tích.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – An Giang vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58; Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015: Xử phạt bị cáo T, H mỗi bị cáo từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo T tính từ ngày 25/6/2025, bị cáo H tính từ ngày 16/10/2025.

- Về vật chứng của vụ án: Đề nghị thu tiêu hủy các vật chứng của vụ án do không còn giá trị sử dụng.

- Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận sự tự nguyện bồi thường thiệt hại của các bị cáo với số tiền 90.000.000 đồng cho bị hại T3, không chấp nhận đối với phần yêu cầu bồi thường còn lại của bị hại do bị hại không cung cấp được hóa đơn, chứng cứ liên quan đến việc điều trị thương tích, mất thu nhập.

* **Người bào chữa trình bày lời bào chữa cho bị cáo**: Người bào chữa thống nhất với quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát về nguyên nhân xảy ra hành vi phạm tội của bị cáo là do lỗi của bị hại, bị hại cũng đã thừa nhận việc có lỗi này. Ngoài ra, người bào chữa xin phân tích thêm một số tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo như sau: Các bị cáo rất ăn năn hối hận về hành vi của bản thân nên mặc dù hoàn cảnh kinh tế của hai bị cáo rất khó khăn nên vẫn cố gắng khắc phục một phần thiệt hại cho bị hại, nhân thân các bị cáo rất tốt, được những người xung quanh ở địa phương xác nhận.

Đối với bị cáo T: Cha mẹ bị cáo đã ly hôn từ rất lâu, cha bị cáo cũng không quan tâm gì đến bị cáo nên việc bị cáo bị truy nã thì gia đình bị cáo cũng không thông báo gì đến bị cáo biết nên trong thời gian bị truy nã bị cáo vẫn đến chính quyền địa phương để liên hệ làm giấy khai sinh cho con của bị cáo; việc bị cáo bỏ đi khỏi địa phương là do bị cáo sợ bị hại T3 trả thù.

Đối với bị cáo H: Bản thân bị cáo hiện đang sống với bà nội đã tuổi cao sức yếu, bản thân bị cáo đang nuôi con nhỏ, hiện rất khó khăn về hoàn cảnh gia đình và kinh tế.

Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt các bị cáo mức thấp nhất theo đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát, không buộc các bị cáo phải bồi thường thêm cho bị hại do các bị cáo thật sự rất khó khăn về kinh tế.

Bị cáo T, H thống nhất lời bào chữa của người bào chữa về trách nhiệm hình sự, bị cáo không bổ sung và không tranh luận bào chữa thêm. Đối với trách nhiệm dân sự, các bị cáo xin không tiếp tục bồi thường thêm cho bị hại.

Bị hại không tranh luận bào chữa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không tranh luận bào chữa.

Các bị cáo nói lời sau cùng:

Bị cáo T: Bị cáo ăn năn hối hận về hành vi phạm tội của mình; xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo H: Bị cáo ăn năn hối hận về hành vi phạm tội của mình; xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh A, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – An Giang, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đều thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; người làm chứng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Quá trình điều tra cũng như tại phiên toà các bị cáo đều khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng đã truy tố. Lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; người làm chứng về thời gian, địa điểm, nguyên nhân và hậu quả của hành vi phạm tội, kết luận giám định cùng các tang vật đã thu giữ và các tài liệu chứng cứ khác thu thập có trong hồ sơ vụ án, phù hợp với kết quả xét hỏi và tranh tụng tại phiên tòa hôm nay. Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để kết luận: Khoảng 01 giờ 30 phút, ngày 02/3/2018, các bị cáo Phan Quí T, Phùng Trung H đã thực hiện hành vi dùng hung khí nguy hiểm là 1 cây dao tự chế dài khoảng 40 cm chém nhiều nhát vào cổ, vai, lưng, tay của bị hại Trần Minh T3 gây thương tích với tỷ lệ tổn thương cơ thể là

29%. Hành vi của các bị cáo đã phạm tội "Cố ý gây thương tích" tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của tội phạm: Hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm đến sức khỏe của bị hại được pháp luật bảo vệ, mặc khác còn làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Đây là loại tội phạm mà người dân rất bức xúc và lên án. Bản thân các bị cáo có đủ năng lực, nhận thức được việc gây thương tích cho người khác là vi phạm pháp luật nhưng do ý thức xem thường pháp luật, khi các bị cáo đã giật được con dao trên tay của bị hại xong do bị hại có hành vi chống trả lại nên các bị cáo tiếp tục rượt đuổi theo bị hại và chém bị hại nhiều nhát gây thương tích. Các bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý. Do đó, các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự do hành vi phạm tội của mình gây ra.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, vai trò và nhân thân của các bị cáo:

[4.1] Tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4.2] Tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; các bị cáo tự nguyện khắc phục một phần hậu quả cho bị hại; bị hại có một phần lỗi dẫn đến hành vi phạm tội của các bị cáo. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Riêng bị cáo H đầu thú nên được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[4.3] Vai trò của các bị cáo: Qua diễn biến vụ án cho thấy, đây là vụ án đồng phạm nhưng thuộc trường hợp giản đơn, vai trò của bị cáo T là người thực hành, xúi giục, vai trò của bị cáo H là người thực hành.

[4.4] Về nhân thân của các bị cáo: Các bị cáo có nhân thân tốt; chưa có tiền án, tiền sự.

[5] Xét thấy: Các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ và không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nhưng hành vi phạm tội của các bị cáo có tính chất nghiêm trọng, gây thương tích cho bị hại với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 29%. Do đó, việc áp dụng hình phạt tù nghiêm khắc là cần thiết nhằm giáo dục, răn đe riêng và đấu tranh, phòng ngừa chung. Tuy nhiên, bị hại cũng có một phần lỗi và lỗi của bị hại là nguyên nhân chính dẫn đến hành vi phạm tội của các bị cáo. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – An Giang đề nghị buộc các bị cáo phải chấp hành

hình phạt tù cách ly khỏi xã hội một thời gian là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Vật chứng của vụ án:

- 01 xe mô tô biển số 65H3-5721 và 01 điện thoại di động hiệu S1.

Ngày 14/3/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện T, tỉnh An Giang đã trao trả xe mô tô biển số 65H3-5721, 01 điện thoại di động hiệu Samsung cho Trần Minh T3 là có căn cứ.

- 01 áo thun màu đen ngắn tay, mặt sau có 03 vết rách: kích thước (07 x 0,2)cm, (06 x 02)cm, (5,5 x 0,2)cm.

- 01 quần sọt màu xanh mặt bên phải có vết rách kích thước (06 x 0,2)cm.

- 01 mũ bảo hiểm màu xanh, mặt trước có chữ HCKT bên phải có vết nứt 10cm và 12cm; 01 nón kết vải màu đen;

- 01 áo thun màu đen ngắn tay màu xám đỏ trắng.

- 01 mũ vải lưỡi trai màu đen.

- 01 dao bấm dài 19,5cm, lưỡi bằng kim loại màu trắng kích thước (09 x 1,5)cm, sắc nhọn có chữ USA, cán bằng kim loại kích thước (10,5 x 02)cm, ốp nhựa hai bên màu đen.

Đây là những vật chứng liên quan đến vụ án và không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

[7.1] Bị cáo T tự nguyện bồi thường và đã giao đủ cho bị hại số tiền 55.000.000 đồng, bị cáo H tự nguyện bồi thường và đã giao đủ cho bị hại số tiền 35.000.000 đồng để khắc phục hậu quả; bị hại thừa nhận đã nhận số tiền trên từ các bị cáo. Những phần thiệt hại các bị cáo đồng ý bồi thường cho bị hại nêu trên là tự nguyện và phù hợp quy định của pháp luật nên ghi nhận.

[7.2] Đối với khoản tiền còn lại bị hại yêu cầu các bị cáo bồi thường: Tại phiên tòa, bị hại yêu cầu các bị cáo T, H, mỗi bị cáo bồi thường thêm số tiền 25.000.000 đồng. Xét thấy, thương tích của bị hại là do hành vi có lỗi của các bị cáo trực tiếp gây ra nhưng trong đó cũng có một phần lỗi xuất phát từ bị hại nên bị hại cũng phải có trách nhiệm tự chịu một phần chi phí điều trị thương tích cho bản thân; ngoài ra, bị hại cũng không cung cấp hóa đơn, chứng từ điều trị thương tích để chứng minh cho yêu cầu của mình. Tuy nhiên, với tỷ lệ thương tích 29% mà các bị cáo gây ra cho bị hại, các bị cáo phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại – tổn thất sức khỏe (chi phí phục hồi sức khỏe) cho bị hại và các bị cáo đã bồi thường cho bị hại với số tiền 90.000.000 (*Chín mươi triệu*) đồng là phù hợp. Ngoài ra, về nguyên tắc bồi

thường thiệt hại là thiệt hại thực tế đã xảy ra, được tính thành tiền tại thời điểm giải quyết bồi thường; thiệt hại phát sinh sau thời điểm giải quyết bồi thường lần đầu nếu sau đó, bị hại T3 vẫn phải tiếp tục điều trị thương tích thì các chi phí phát sinh sau thời điểm Tòa án giải quyết sẽ được giải quyết trong vụ án khác nếu có yêu cầu của bị hại T3. Do đó, đối với những khoản bị hại yêu cầu bị cáo T, H, mỗi bị cáo tiếp tục bồi thường thêm số tiền 25.000.000 đồng là không có cơ sở để chấp nhận.

[8] Đối với thương tích của Phan Quí T, Phùng Trung H, các bị cáo có đơn không yêu cầu khởi tố hình sự và từ chối giám định nên Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh A không đặt ra xem xét giải quyết là có căn cứ.

[9] Đối với lời khai của người làm chứng Lê Minh T4 trình bày T là người lấy dao trong cốp xe của T để chém T3, ngoài lời khai của T4, không còn chứng cứ nào khác; Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh A đã tiến hành đối chất nhưng không xác định T lấy dao trong cốp xe chém T3. Ngoài ra, lời khai của T4 tại tờ tự khai ngày 02/3/2018, biên bản ghi lời khai ngày 02/3/2018, T4 khai: Bạn của Trọng mở cốp xe của T lấy dao đưa cho T nhưng tờ tự khai ngày 07/10/2025, biên bản lấy lời khai ngày 07/10/2025, T4 khai: T chạy lại xe của T để mở cốp lấy dao. Lời khai của T4 không phù hợp với nhau và không phù hợp với lời khai của những người làm chứng khác; điều này không đảm bảo việc khách quan và không phản ánh đúng sự thật đối với lời khai của T4.

[10] Về án phí: Các bị kết án nên các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[11] Xét lời bào chữa của người bào chữa phân tích thêm về những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo cùng với xuất phát từ một phần lỗi của bị hại dẫn đến hành vi phạm tội của bị cáo; đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo T, H mức thấp nhất theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở để chấp nhận.

[12] Xét ý kiến và đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – An Giang phân tích về tính chất mức độ phạm tội, đặc điểm nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, vai trò, nhân thân của bị cáo và đề nghị tội danh, điều luật áp dụng là phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Các bị cáo Phan Quí T, Phùng Trung H phạm tội "*Cố ý gây thương tích*".

1. Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58; Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Phan Quí T 01 (*một*) năm 06 (*sáu*) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 25/6/2025.

2. Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58; Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Phùng Trung H 01 (*một*) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 16/10/2025.

3. Về vật chứng: Căn cứ khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015; khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy:

- Một áo thun màu đen ngắn tay mặt sau có 03 vết rách kích thước (07x0,2)cm, (06x02)cm, (5,5x0,2)cm.

- Một quần sọt màu xanh mặt bên phải có vết rách kích thước (06x0,2)cm.

- Một mũ bảo hiểm màu xanh, mặt trước có chữ HCKT bên phải có vết nứt 10cm và 12cm.

- Một mũ vải lưỡi trai màu đen.

- Một áo thun ngắn tay màu xám đỏ trắng.

- Một cây dao bấm dài 19,5cm, lưỡi bằng kim loại màu trắng kích thước (09x1,5)cm, sắc nhọn có chữ USA, cán bằng kim loại kích thước (10,5x02) cm, ốp nhựa hai bên màu đen (Tất cả đã qua sử dụng).

(Theo biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 05/12/2025)

4. **Về trách nhiệm dân sự**: Căn cứ Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 584, Điều 586, Điều 590, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết 02/2022/NQ-HĐTP ngày 06-9-2022 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật Dân sự về trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng.

Ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo T, H liên đới bồi thường cho bị hại T3 số tiền là 90.000.000 (*Chín mươi triệu*) đồng; các bị cáo đã bồi thường xong cho bị hại.

5. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo T, H; mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (*hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

6. **Về quyền kháng cáo**: Căn cứ Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND tỉnh An Giang;
- Phòng PV06 – Công an tỉnh An Giang;
- VKSND khu vực 10 – An Giang;
- Phòng THADS khu vực 10 – An Giang;
- Phân Trại Tạm giam Cô Tô (Cơ sở 3) thuộc Trại Tạm giam số 1 – Công an tỉnh An Giang;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Thị Bé Thi